

**Bộ phận Chiến lược đầu tư**
**DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ GUOTAI JUNAN VIỆT NAM**
**Danh mục Nắm giữ (Holding portfolio)**
**Kỳ đầu tư: 6-18 tháng**

Mã cổ phiếu	Ngày ra khuyến nghị	Lần KN	Giá khi khuyến nghị	Khuyến nghị	Giá mục tiêu	Upside kỳ vọng	Upside còn lại	Vượt mục tiêu	Tổng biến động
MWG	06/08/21	3	114,000	Nắm giữ	122,300	7.3%	2.9%	-	144.4%
CTG	04/08/21	1	34,000	Mua	39,200	15.3%	21.0%	-	-4.7%
TDM	30/07/21	1	30,050	Mua	40,000	33.1%	28.2%	-	3.8%
HAH*	03/08/21	3	49,000	Nắm giữ	60,000	22.4%	-	14.7%	188.6%
OCB*	02/08/21	2	24,300	Mua	27,700	14.0%	20.7%	-	10.8%
VHM*	31/05/21	2	102,600	Nắm giữ	102,300	0%	-	5.3%	40.6%
SZC*	23/04/21	1	35,750	Nắm giữ	41,000	14.7%	-	16.6%	33.7%
DHC*	30/10/20	1	35,440	Giảm tỷ trọng	39,760	17.1%	-	111.8%	137.6%
ACB*	05/02/21	2	22,830	Nắm giữ	29,110	27.5%	-	11.5%	80.3%
VPB*	05/02/21	2	37,000	Nắm giữ	40,000	8.1%	-	58.5%	178.1%
MBB	11/06/21	3	29,185	Tăng tỷ trọng	32,593	11.7%	14.8%	-	124.4%
VIB*	05/02/21	1	25,297	Nắm giữ	32,157	27.1%	-	13.8%	44.7%
TPB*	05/02/21	1	26,700	Nắm giữ	34,500	29.2%	-	9.6%	41.6%
PNJ*	31/07/20	2	80,900	Nắm giữ	86,000	6.3%	-	7.7%	77.5%
SBT	02/08/20	2	20,550	Nắm giữ	24,000	16.8%	0.7%	-	20.8%
QNS	08/02/21	1	37,200	Mua	54,000	45.2%	7.4%	-	35.2%

(\*): các cổ phiếu đã từng đạt giá mục tiêu của lần khuyến nghị hiện tại.

Lần khuyến nghị 1 là khuyến nghị lần đầu. Lần 2,3,...,n là các khuyến nghị điều chỉnh giá mục tiêu.

Tổng mức biến động được tính từ khi ra khuyến nghị lần đầu cho tới hiện tại.

**Danh mục Giao dịch (Trading portfolio)**
**Kỳ đầu tư: 3-6 tháng**

Mã cổ phiếu	Ngày ra khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ	Risk/Reward Ratio	Lãi/Lỗ hiện tại
TNG	24/08/21	27,500 - 29,000	38,000	26,000	1:3	7.9%
SLS	18/08/21	139,000 - 155,000	220,000	133,000	1:3	4.5%
BWE	16/07/21	35,000 - 36,000	45,000	32,900	1:3	15.3%
LAS	21/06/21	13,000 - 14,000	19,000	11,800	1:2.3	25.0%
ABI	17/06/21	52,000 - 56,000	75,000	49,000	1:2.7	11.3%
VND*	09/06/21	32,280 - 35,100	50,140	29,460	1:2.7	50.7%
DPG	31/05/21	27,500 - 28,929	43,571	25,000	1:4	46.2%
GVR	28/05/21	26,900 - 30,100	49,000	24,500	1:3.5	32.7%
IDC	28/05/21	36,000 - 38,500	56,000	33,000	1:3	16.9%
SSI*	20/05/21	25,100 - 26,950	35,250	23,100	1:2	63.1%
SGR	12/05/21	25,500 - 28,500	44,000	24,000	1:3.5	-6.0%
BSR*	11/05/21	14,900 - 16,100	22,000	13,600	1:2.3	12.4%
SMC*	11/05/21	35,300 - 38,000	51,000	32,000	1:2	41.6%
BCG	12/04/21	13,800 - 14,400	20,300	12,500	1:3	29.5%
DIG	08/04/21	25,667 - 26,522	40,211	23,186	1:4	28.6%
GMD*	07/04/21	33,800 - 35,000	53,800	32,700	1:5	46.9%
STB*	30/03/21	19,500 - 21,000	28,500	18,300	1:3	30.2%
TTF	29/03/21	6,900 - 7,500	13,000	6,200	1:4	-3.3%
VIC*	26/03/21	96,900 - 101,300	128,900	95,100	1:4.5	-9.9%
VCB	18/03/21	96,300 - 98,500	125,000	94,000	1:6	0.8%
GEG	08/03/21	16,550 - 17,650	25,700	15,455	1:4	0.8%
FCN	08/03/21	14,000 - 15,000	22,000	13,400	1:4.5	-5.3%

<b>TIG*</b>	05/03/21	7,545 - 8,455	13,636	7,273	1:4.5	86.9%
<b>GAS</b>	17/02/21	80,000 - 83,500	117,000	73,700	1:3.5	6.1%
<b>CNG</b>	17/02/21	21,900 - 23,000	31,500	20,600	1:3.5	31.3%
<b>CCL</b>	17/02/21	11,000 - 12,000	19,000	9,700	1:3	24.6%
<b>SAM</b>	17/02/21	11,200 - 12,100	22,500	10,200	1:5	-17.4%
<b>LAF</b>	27/01/21	12,800 - 14,500	21,500	11,800	1:2.5	10.3%
<b>VSH*</b>	25/01/21	18,000 - 19,700	30,000	16,900	1:3.5	43.1%
<b>MSR</b>	21/12/20	19,000 - 21,000	31,000	17,800	1:3	9.0%
<b>SFI*</b>	09/12/20	29,200 - 31,000	46,500	27,700	1:5	69.4%
<b>PGV*</b>	23/11/20	13,810 - 14,762	23,810	12,571	1:4	110.0%
<b>CKG*</b>	19/11/20	8,230 - 8,650	11,300	7,890	1:3.5	179.2%
<b>DRI*</b>	20/10/20	4,730 - 5,230	10,230	3,930	1:4	152.4%

**Danh sách theo dõi đặc biệt của danh mục trading:**

Mã cổ phiếu	Ngày ra khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ
<b>BID</b>	28/05/21	46,000 - 48,500	65,000	42,500
<b>CEO</b>	06/04/21	13,000 - 13,700	19,000	11,900
<b>PVD</b>	05/03/21	23,500 - 25,500	40,000	21,900

**ĐIỂM NHẤN PHIÊN GIAO DỊCH TRƯỚC**

Thị trường tăng tốt trong buổi sáng, đi ngang trong nửa đầu buổi chiều và tăng trở lại trong nửa cuối, dù phiên ATC giảm điểm.

Tương quan tăng giảm nghiêng về phía tăng với số lượng mã tăng vượt trội trên toàn thị trường. Nhóm Ngân hàng diễn biến tích cực và đóng góp nhiều nhất cho đà tăng của VNINDEX. Bộ đôi bán lẻ MWG, PNJ diễn biến tích cực đáng chú ý, tương tự là HVN khi tăng kịch trần.

**VN-INDEX**



(Đồ thị ngày của VNIndex)

**Nhận định**

VNINDEX ngày 09/09/2021: (1) Biên độ dao động trung bình, mở cửa sát tham chiếu và gần như là mức thấp nhất ngày, đóng cửa cao hơn mở cửa và thấp hơn một chút so với mức cao nhất ngày, (2) Khối lượng giao dịch cả ngày cao hơn ngày liền trước một chút và thấp hơn trung bình.

⇒ Lực mua giá thấp mạnh mẽ vào đầu ngày đã tiếp tục hấp thụ lực bán và khiến đà tăng trong buổi sáng diễn ra khá nhẹ nhàng. Khoảng đi ngang sau đó là khi lực mua giá cao chần chừ khiến đà tăng chững lại, nhưng lực bán bị hấp thụ hết từ buổi sáng khiến lực mua không thể khớp lệnh được ở mức giá thấp và đã phải chuyển sang mua ở mức giá cao, đẩy thị trường tăng nhanh trong nửa sau buổi chiều. Dù vậy thì có một chút điểm trừ khi phiên ATC giảm điểm. Diễn biến trên toàn thị trường giữa các nhóm vốn hóa nhìn chung là tích cực và đồng thuận.

Vai trò	Vùng điểm của VNIndex
Hỗ trợ	1,200
	1,290 – 1,310
Kháng cự	1,350 – 1,380
	1,420

**TIÊU ĐIỂM - NEWS FOCUS**
**CTCP Xây dựng Coteccons – CTD VN**

Ngày 23/9 tới đây CTCP Xây dựng Coteccons (mã chứng khoán CTD) sẽ chốt danh sách cổ đông chi trả cổ tức năm 2020 bằng tiền tỷ lệ 10%, tương ứng cổ đông sở hữu 1 cổ phiếu được nhận về 1.000 đồng. Thời gian thanh toán 20/10/2021.

**CTCP Tasco – HUT VN**

HĐQT Tasco (HNX: HUT) vừa thông qua việc triển khai phương án chào bán 80 triệu cổ phiếu riêng lẻ với giá 10.000 đồng/cp. Trong đợt chào bán này, dự kiến 6 nhà đầu tư cá nhân sẽ tham gia và mỗi người dự kiến mua 13,25 triệu đơn vị, tương ứng tỷ lệ sở hữu 3,8% sau phát hành.

**SỰ KIỆN PHIÊN GIAO DỊCH HÔM NAY**

Mã CK	Sàn	Nội dung sự kiện	Ngày GD không hưởng quyền	Ngày đăng ký	Ngày thực hiện
VSF	Upcom	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	10/9/2021	13/09/2021	10/9/2021
VGR	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (1.000đ/cp)	10/9/2021	13/09/2021	24/09/2021
TNG	HNX	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	10/9/2021	13/09/2021	10/9/2021
BCF	HNX	Giao dịch đầu tiên 4.216.698 cổ phiếu niêm yết bổ sung			10/9/2021
KOS	HSX	ĐHĐCĐ bất thường năm 2021			10/9/2021
BMJ	Upcom	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	10/9/2021	13/09/2021	10/9/2021
SZL	HSX	Chi trả cổ tức năm 2020 (3.000 đ/cp)	10/9/2021	13/09/2021	30/09/2021
TCH	HSX	Trả cổ tức năm 2020 (tỷ lệ 20:1), thực hiện quyền mua cổ phiếu (tỷ lệ 2:1)	10/9/2021	13/09/2021	10/9/2021
SJD	HSX	ĐHĐCĐ trực tuyến			10/9/2021
HAP	HSX	Chi trả cổ tức năm 2020 (600 đ/cp)	10/9/2021	13/09/2021	13/10/2021
HAP	HSX	Chi trả cổ tức năm 2020 (600 đ/cp)	10/9/2021	13/09/2021	13/10/2021
BCG	HSX	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	10/9/2021	13/09/2021	10/9/2021

## THỐNG KÊ CÁC KHUYẾN NGHỊ ĐÃ ĐÓNG

### 1. Danh mục Giao dịch (Trading portfolio)

#### Các trạng thái đã chốt lời của Danh mục

Mã cổ phiếu	Ngày khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ ở dưới	Risk: Reward Ratio	Lợi nhuận	Giá cao nhất từng đạt	Lợi nhuận cao nhất từng đạt
SGP	01/12/20	10,500 – 11,000	18,500	9,500	1:5	68.2%	42,000	281.8%
SMC	30/10/20	11,200 – 12,000	16,000	11,000	1:4	33.3%	25,500	112.5%
G36	05/11/20	9,160 – 9,830	13,300	8,770	1:3	35.3%	14,700	49.5%
LSS	17/11/20	7,100 – 7,500	12,000	6,400	1:4	60.0%	12,100	61.3%
POS	18/11/20	11,500 – 12,000	19,000	9,950	1:2.5	50.8%	20,500	62.7%
SAC	01/12/20	8,800 – 9,500	14,700	8,300	1:4	54.7%	16,400	72.6%

#### Các trạng thái đã chốt lời sớm/cắt sớm

Mã cổ phiếu	Ngày khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ ở dưới	Risk: Reward Ratio	Lợi nhuận	Giá cao nhất từng đạt	Lợi nhuận cao nhất từng đạt
LDG	22/10/20	6,600 – 6,800	10,300	6,100	1:5	23.1%	8,370	23.1%
HAG	13/11/20	4,500 – 4,700	8,000	4,250	1:7	0.0%	6,450	37.2%
PXS	17/11/20	6,000 – 6,400	11,000	5,300	1:4	0.0%	9,000	40.6%

#### Các trạng thái đã cắt lỗ

Mã cổ phiếu	Ngày khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ ở dưới	Risk: Reward Ratio	Mức lỗ	Giá cao nhất từng đạt	Lợi nhuận cao nhất từng đạt
VSH	09/11/20	20,500 – 21,000	30,000	18,900	1:4	-10.0%	19,281	-8.2%
MFS	30/12/20	27,300 – 29,000	39,000	26,300	1:4	-9.3%	33,900	16.9%
BWE	30/12/20	30,800 – 33,300	42,800	29,300	1:2.3	-12.0%	33,765	1.4%
CMX	31/12/20	17,000 – 18,500	25,000	16,200	1:3	-12.4%	20,000	8.1%

### 2. Danh mục Nắm giữ (Holding portfolio)

#### Các mã được điều chỉnh giá mục tiêu

Mã cổ phiếu	Ngày ra khuyến nghị	Lần KN / Tổng số KN	Giá khi khuyến nghị	Giá mục tiêu cũ	Upside ban đầu	Tổng mức biến động	Ngày đóng khuyến nghị	Giá mục tiêu mới	Điều chỉnh giá mục tiêu
MWG	08/02/21	2/3	128,500	154,500	20.2%	133.4%	06/08/21	184,000	+19.1%
VHM*	16/11/20	1/2	76,600	88,315	15.3%	33.9%	31/5/21	102,300	+15.8%
HAH*	31/05/21	2/3	28,200	35,100	24.5%	105.5%	03/08/21	60,000	+70.9%
OCB*	20/05/21	1/2	20,720	24,800	19.7%	17.3%	02/08/21	27,700	+11.7%
HAH	02/04/21	1 / 2	24,650	29,800	20.9%	14.4%	31/05/21	35,100	+17.8%
MBB*	05/02/21	2 / 3	39,400	27,000	9.1%	130.6%	11/06/21	44,000	+62.9%
SBT*	02/11/20	1 / 2	18,500	22,200	20.0%	11.1%	08/02/21	24,000	+8.1%
ACB*	28/09/20	1 / 2	22,500	27,400	27.5%	26.7%	05/02/21	36,350	+32.7%
VPB*	28/09/20	1 / 2	22,800	27,400	20.2%	62.3%	05/02/21	40,000	+46.0%
MBB*	28/09/20	1 / 3	17,087	20,000	17.0%	44.8%	05/02/21	27,000	+35.0%
MWG*	31/07/20	1 / 3	73,470	123,000	67.4%	74.9%	08/02/21	154,500	+25.6%
PNJ*	31/07/20	1 / 2	51,000	74,200	45.5%	58.6%	08/02/21	86,000	+15.9%

(\*): các cổ phiếu đã từng đạt giá mục tiêu của lần khuyến nghị hiện tại.

Lần khuyến nghị 1 là khuyến nghị lần đầu. Lần 2,3,...,n là các khuyến nghị điều chỉnh giá mục tiêu.

Tổng mức biến động được tính từ khi ra khuyến nghị lần đầu cho tới hiện tại.

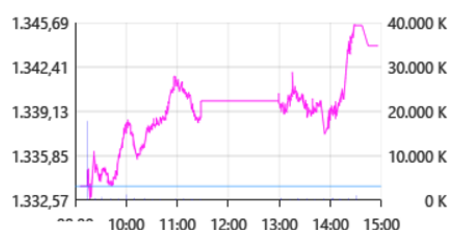
## FACTSET DỮ LIỆU THỊ TRƯỜNG NGÀY HÔM TRƯỚC

### BIẾN ĐỘNG NGÀY

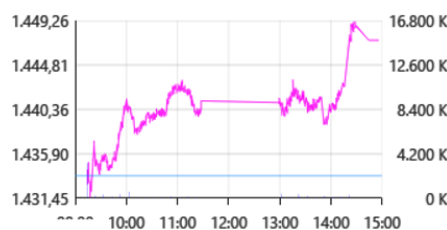
Chỉ số	Điểm số	Biến động	Điểm	Khối lượng GD (triệu CP)	Giá trị GD (tỷ đồng)	Số mã tăng	Số mã không đổi	Số mã giảm
VN - Index	1,343.98	0.78%	10.37	642.57	19,583.0	274	40	134
Vn30 - Index	1,447.28	0.95%	13.57	178.03	9,009.4	21	0	9
Vn - Mid	1,699.60	0.89%	14.93	228.83	6,322.6	50	5	15
VN - Small	1,590.03	1.45%	22.79	135.64	2,661.1	126	14	50
HNX - Index	350.44	0.91%	3.16	107.11	2,214.9	142	58	137
Upcom - Index	94.83	0.50%	0.47	73.88	1,333.2	210	54	98

### BIẾN ĐỘNG TRONG NGÀY

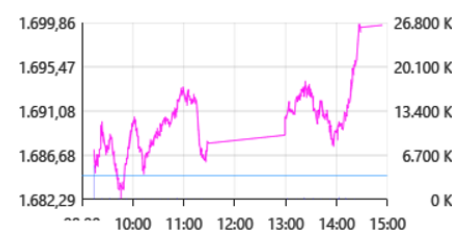
VN-INDEX



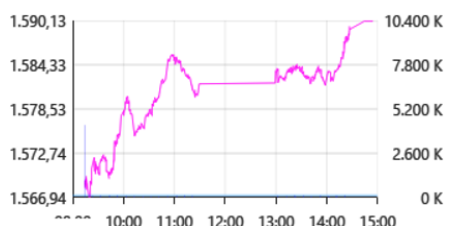
VN30



VN-MID



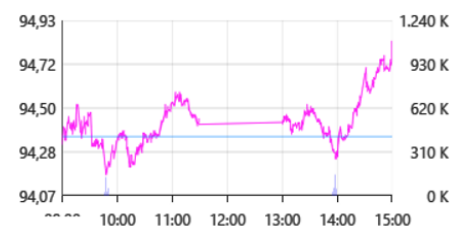
VN-SMALL



HNX-INDEX



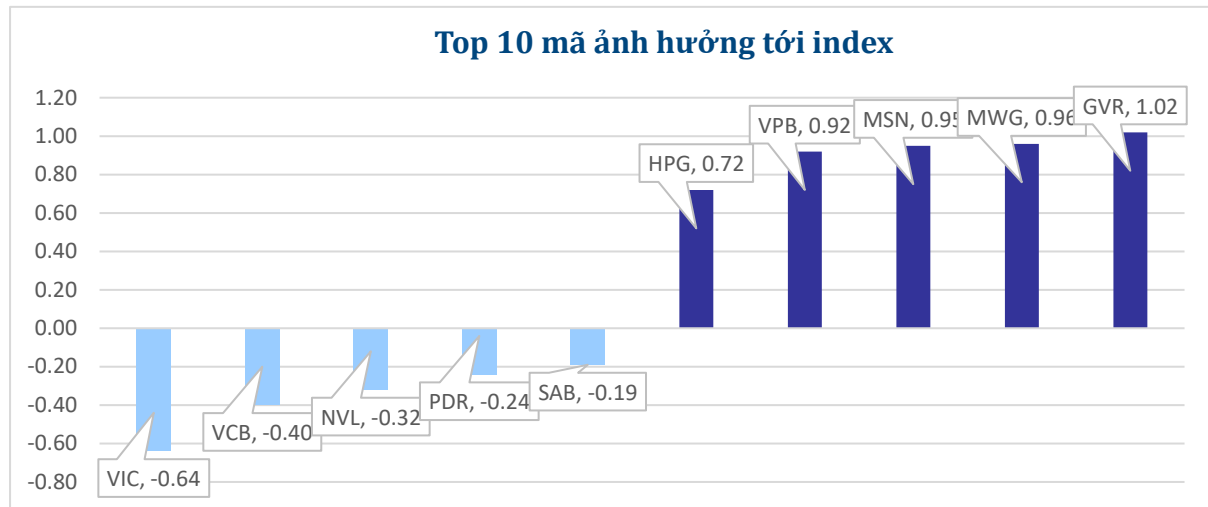
UPCOM



### THANH KHOẢN NGÀY

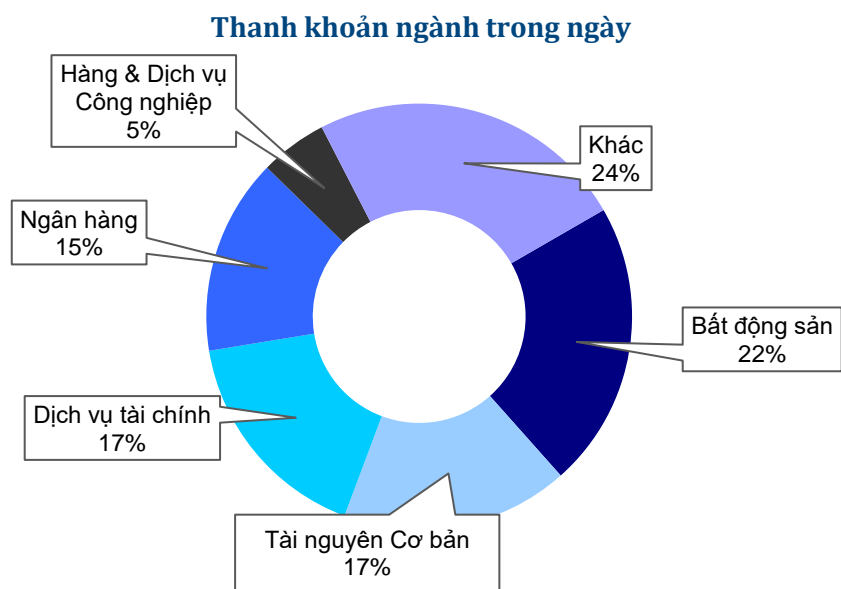
Sàn	Giá trị giao dịch (tỷ đồng)	Thay đổi so với phiên trước	Khối lượng giao dịch (triệu CP)	Thay đổi so với phiên trước
HSX	19,583.00	0.02%	642.57	2.64%
HNX	2,214.90	-8.36%	107.11	-8.54%

**CỔ PHIẾU NỔI BẬT TRONG NGÀY**

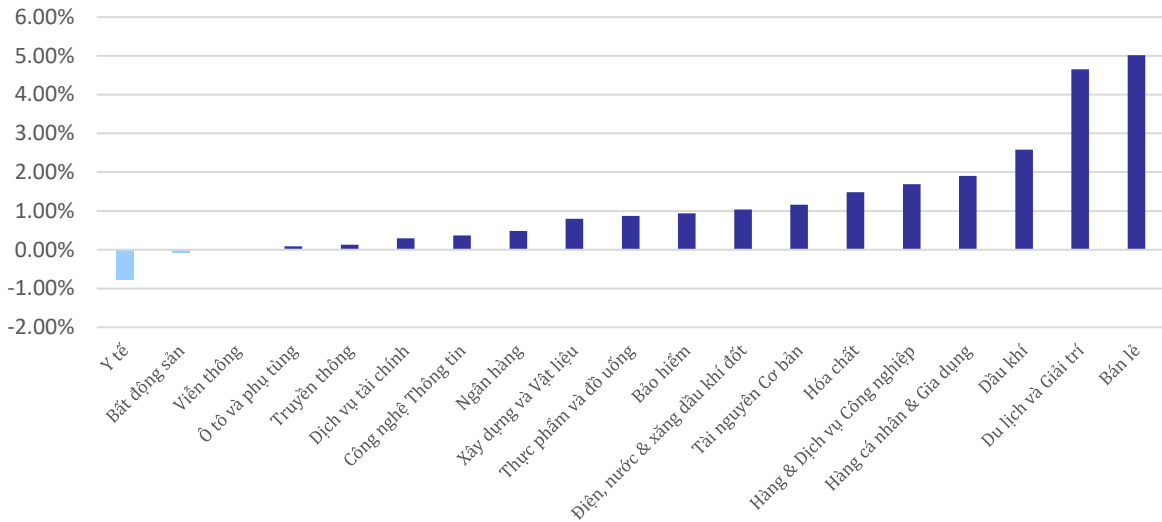


Top KLGĐ (triệu cổ phiếu)		Top GTGD (tỷ đồng)		Đột biến khối lượng (%KL/KL10 phiên)		Top tăng điểm với thanh khoản cao (>10 tỷ)		Top giảm điểm với thanh khoản cao (>10 tỷ)	
HPG	36.72	HPG	1,907.5	CEO	333%	CEO	9.4%	PHC	-5.9%
FIT	33.24	VHM	1,070.7	HVN	312%	IDC	7.1%	FIT	-4.1%
SSI	20.14	SSI	893.2	TPB	304%	MWG	6.7%	TCM	-3.1%
HSG	18.28	HSG	817.3	MWG	287%	PC1	5.1%	TCH	-2.6%
FLC	13.98	FIT	569.9	SKG	283%	PNJ	5.0%	PDR	-2.1%

**NHÓM NGÀNH**



**Biến động các nhóm ngành trong ngày**

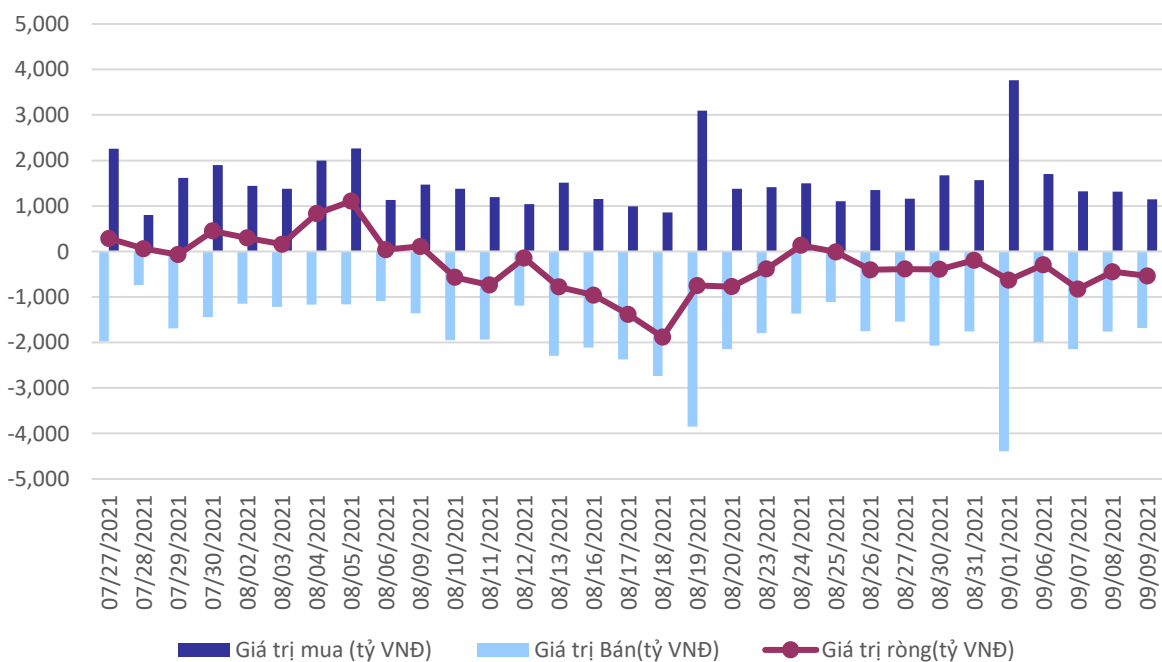


**GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI**

Trên HOSE bán ròng 538.92 tỷ đồng còn trên HNX bán ròng 357.67 tỷ đồng.

Top CP mua ròng	Giá trị mua ròng (tỷ đồng)	Top CP bán ròng	Giá trị bán ròng (tỷ đồng)
HSG	91.54	VHM	273.08
CTG	52.10	VIC	124.35
MBB	33.79	VNM	96.71
VND	26.54	FUEVFNDD	90.19
LPB	23.48	SSI	58.93

**Giao dịch khối ngoại 30 phiên gần nhất trên HOSE**







**XẾP HẠNG CỔ PHIẾU**

Chỉ số tham chiếu: **VN - Index.**

Kỳ hạn đầu tư: **6 đến 18 tháng**

<b>Khuyến nghị</b>	<b>Định nghĩa</b>
<b>Mua</b>	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng $\geq 15\%$ Hoặc công ty/ngành có triển vọng tích cực
<b>Tích lũy</b>	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng từ 5% đến 15% Hoặc công ty/ngành có triển vọng tích cực
<b>Trung lập</b>	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng từ -5% đến 5% Hoặc công ty/ngành có triển vọng trung lập
<b>Giảm tỷ trọng</b>	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng từ -15% to -5% Hoặc công ty/ngành có triển vọng kém tích cực
<b>Bán</b>	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng nhỏ hơn -15% Hoặc công ty/ngành có triển vọng kém tích cực

**XẾP HẠNG NGÀNH**

Chỉ số tham chiếu: **VN - Index**

Kỳ hạn đầu tư: **6 đến 18 tháng**

<b>Xếp loại</b>	<b>Định nghĩa</b>
<b>Vượt trội</b>	Tỷ suất lợi nhuận trung bình ngành so với VN-Index lớn hơn 5% Hoặc triển vọng ngành tích cực
<b>Trung lập</b>	Tỷ suất lợi nhuận trung bình ngành so với VN-Index từ -5% đến 5% Hoặc triển vọng ngành trung lập
<b>Kém hiệu quả</b>	Tỷ suất lợi nhuận trung bình ngành so với VN-Index nhỏ hơn -5% Hoặc triển vọng ngành kém tích cực

**KHUYẾN CÁO**

Các nhận định trong báo cáo này phản ánh quan điểm riêng của người viết về mã chứng khoán hoặc tổ chức phát hành. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo khi đưa ra quyết định đầu tư và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. Guotai Junan Việt Nam Securities không chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hay bất kỳ thiệt hại nào, hay sự kiện bị coi là thiệt hại, đối với việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin hay ý kiến nào được đề cập trong bản báo cáo này. Chuyên viên phân tích chịu trách nhiệm chuẩn bị báo cáo này nhận được thù lao dựa trên các yếu tố khác nhau, bao gồm chất lượng và độ chính xác của nghiên cứu, phản hồi của khách hàng, yếu tố cạnh tranh và doanh thu tổng thể của công ty, bao gồm doanh thu từ/trong số các đơn vị kinh doanh khác. Guotai Junan Việt Nam và cán bộ, giám đốc, nhân viên có thể có mối liên hệ đến bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong tài liệu này (hoặc trong bất kỳ khoản đầu tư nào có liên quan).

Báo cáo này đã được chuẩn bị trên cơ sở thông tin được cho là đáng tin cậy tại thời điểm công bố. Guotai Junan Việt Nam không tuyên bố hay bảo đảm về tính đầy đủ và chính xác của thông tin đó. Các quan điểm và ước tính trong đánh giá của chúng tôi có giá trị đến ngày ra báo cáo và có thể thay đổi mà không cần báo cáo trước.

Báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư tổ chức và khách hàng cá nhân của Guotai Junan Việt Nam tại Việt Nam và ở nước ngoài theo luật pháp và quy định có liên quan rõ ràng cho quốc gia nơi báo cáo này được phân phối không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua bán chứng khoán cụ thể nào. Các quan điểm và khuyến cáo được trình bày trong bản báo cáo này không tính đến sự khác biệt về mục tiêu, nhu cầu, chiến lược và hoàn cảnh cụ thể của từng nhà đầu tư. Ngoài ra, nhà đầu tư cũng ý thức có thể có các xung đột lợi ích ảnh hưởng đến tính khách quan của bản báo cáo này.

Báo cáo này không được sao chép, xuất bản hoặc phân phối lại bởi bất kỳ đối tượng nào cho bất kỳ mục đích nào mà không có sự cho phép bằng văn bản của đại diện ủy quyền của Guotai Junan Việt Nam. Vui lòng dẫn nguồn khi trích dẫn.

**GUOTAI JUNAN VIETNAM RESEARCH & INVESTMENT STRATEGY**

Thành viên	Vị trí	Phụ trách	Email	Ext.
<b>Võ Thế Vinh</b>	Trưởng phòng	Phân tích & Chiến lược Đầu tư	<a href="mailto:vinhvt@gtjas.com.vn">vinhvt@gtjas.com.vn</a>	704
<b>Đỗ Trung Nguyên</b>	Phó phòng	Chiến lược đầu tư	<a href="mailto:nguyendt@gtjas.com.vn">nguyendt@gtjas.com.vn</a>	703
<b>Trần Thị Hồng Nhung</b>	Chuyên viên Phân tích Doanh nghiệp	Ngành Ngân hàng	<a href="mailto:nhungtth@gtjas.com.vn">nhungtth@gtjas.com.vn</a>	706
<b>Đinh Quang Đạt</b>	Chuyên viên Cao cấp Phân tích Doanh nghiệp	Ngành Tiêu dùng	<a href="mailto:datdq@gtjas.com.vn">datdq@gtjas.com.vn</a>	
<b>Phí Công Linh</b>	Chuyên viên Cao cấp Phân tích Doanh nghiệp	Ngành Bất Động sản	<a href="mailto:linhpc@gtjas.com.vn">linhpc@gtjas.com.vn</a>	709

LIÊN HỆ	TRỤ SỞ CHÍNH HÀ NỘI	CHI NHÁNH TP. HCM
Điện thoại tư vấn: (024) 35.730.073 Điện thoại đặt lệnh: (024) 35.779.999 Email: <a href="mailto:ivs@gtjas.com.vn">ivs@gtjas.com.vn</a> Website: <a href="http://www.ivs.com.vn">www.ivs.com.vn</a>	P9-10, Tầng 1, Chamvit Tower Điện thoại: (024) 35.730.073 Fax: (024) 35.730.088	Lầu 4, Số 2 BIS, Công Trường Quốc Tế, P. 6, Q. 3, Tp.HCM Điện thoại: (028) 38.239.966 Fax: (028) 38.239.696